

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số 4103004305 ngày 6 tháng 2 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300545501 ngày 7 tháng 12 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông La Văn Út	Chủ tịch (từ ngày 1 tháng 12 năm 2016)
Ông Lưu Văn Thăng	Chủ tịch (đến ngày 1 tháng 12 năm 2016)
Ông Nguyễn Đình Dương	Ủy viên
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên
Ông Trần Kỳ Hạnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 9 năm 2016)
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 9 năm 2016)
Ông La Văn Út	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 12 năm 2016)

Trụ sở đăng ký 236/106/1A Điện Biên Phủ
Phường 17, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám Đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày tháng năm, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Số liệu so sánh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng lưu ý người đọc tới Thuyết minh 31 của báo cáo tài chính riêng đề cập tới việc số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại.

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, không bao gồm các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 31 của báo cáo tài chính riêng, được căn cứ trên báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo tài chính đó đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó trong báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 3 năm 2016. Những điều chỉnh đối với số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh 31 của báo cáo tài chính riêng được thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV ngày 22 tháng 4 năm 2016 và biên bản kiểm toán ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Kiểm toán Nhà nước Chuyên ngành VI.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-116-R



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2017

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0296-2013-007-1

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		118.094.327.417	191.822.222.766
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	30.737.565.542	58.152.512.970
Tiền	111		30.737.565.542	13.152.512.970
Các khoản tương đương tiền	112		-	45.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.221.203.431	92.891.489.222
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	29.523.335.372	60.424.456.140
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		937.160.330	969.188.088
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	9.760.707.729	31.497.844.994
Hàng tồn kho	140	7	47.115.554.514	40.588.793.317
Hàng tồn kho	141		47.224.979.756	40.698.218.559
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(109.425.242)	(109.425.242)
Tài sản ngắn hạn khác	150		20.003.930	189.427.257
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		20.003.930	189.427.257
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		1.721.052.182.919	1.522.712.753.917
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.391.204.000	1.391.204.000
Phải thu dài hạn khác	216		1.391.204.000	1.391.204.000
Tài sản cố định	220		1.578.526.927.103	1.403.723.954.079
Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.552.114.960.379	1.376.698.982.859
Nguyên giá	222		3.939.798.687.222	3.495.936.210.266
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.387.683.726.843)	(2.119.237.227.407)
Tài sản cố định vô hình	227	9	26.411.966.724	27.024.971.220
Nguyên giá	228		28.250.980.211	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.839.013.487)	(1.226.008.991)
Tài sản dở dang dài hạn	240		22.895.909.520	823.060.782
Xây dựng cơ bản dở dang	242	10	22.895.909.520	823.060.782
Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	118.238.142.296	116.774.535.056
Đầu tư vào công ty con	251		105.000.000.000	105.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.500.000.000	64.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(51.261.857.704)	(52.725.464.944)
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.839.146.510.336	1.714.534.976.683

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		728.275.932.213	636.690.654.721
Nợ ngắn hạn	310		354.019.729.713	378.742.894.721
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	37.969.644.920	22.304.954.001
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.739.513.782	36.363.636.364
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13	10.469.355.792	28.242.001.653
Phải trả người lao động	314		24.289.376.228	19.632.365.563
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	10.211.006.127	7.326.756.211
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	14.749.862.965	5.556.895.666
Vay ngắn hạn	320	16	189.305.326.000	238.821.071.090
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	51.638.549.201	18.080.064.975
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.647.094.698	2.415.149.198
Nợ dài hạn	330		374.256.202.500	257.947.760.000
Vay dài hạn	338	16	374.256.202.500	257.947.760.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.110.870.578.123	1.077.844.321.962
Vốn chủ sở hữu	410	18	1.110.870.578.123	1.077.844.321.962
Vốn cổ phần	411	19	798.666.660.000	798.666.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		798.666.660.000	798.666.660.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(160.015.910)	(160.015.910)
Cổ phiếu quỹ	415		(11.635.553.757)	(11.635.553.757)
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	250.991.855.223	245.090.870.947
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		73.007.632.567	45.882.360.682
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		(8.951.956.594)	(11.606.940.796)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		81.959.589.161	57.489.301.478
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.839.146.510.336	1.714.534.976.683

Ngày 18 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Điều chỉnh lại
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	23	816.988.885.612	772.128.705.058
Giá vốn hàng bán	11	24	628.819.458.048	623.543.840.426
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		188.169.427.564	148.584.864.632
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	10.897.741.439	21.732.569.170
Chi phí tài chính	22	26	30.865.903.902	68.980.735.203
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		28.919.990.768	35.934.468.667
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		38.778.448.742	32.918.132.246
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 22 - 26}	30		129.422.816.359	68.418.566.353
Thu nhập khác	31		251.071.638	1.097.503.059
Chi phí khác	32	27	17.729.125.743	685.917.542
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(17.478.054.105)	411.585.517
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		111.944.762.254	68.830.151.870
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	24.985.173.093	11.340.850.392
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		86.959.589.161	57.489.301.478

Ngày 18 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2016 VND	2015 VND Điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	111.944.762.254	68.830.151.870
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	271.396.454.035	254.985.352.187
Các khoản dự phòng	03	39.837.257.925	23.564.871.450
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.959.572.570	25.037.344.924
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(8.661.758.810)	(21.606.677.630)
Chi phí lãi vay	06	28.919.990.768	35.934.468.667
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	446.396.278.742	386.745.511.468
Biến động các khoản phải thu	09	40.009.528.247	(311.803.735)
Biến động hàng tồn kho	10	(6.526.761.197)	220.618.381
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(38.776.431.380)	6.094.012.729
Biến động chi phí trả trước	12	169.423.327	(177.527.257)
		441.272.037.739	392.570.811.586
Tiền lãi vay đã trả	14	(24.433.307.259)	(46.568.123.213)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(37.148.579.096)	(6.860.539.252)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.484.590.750)	(4.786.426.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	373.205.560.634	334.355.723.121

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2016 VND	2015 VND Điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(448.609.216.886)	(2.690.382.255)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	67.709.091	332.727.272
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(30.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	7.199.500.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	21.287.924.132	11.135.175.868
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(427.253.583.663)	(14.022.979.115)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	310.515.660.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(244.566.125.714)	(294.102.024.326)
Tiền trả cổ tức	36	(39.316.249.100)	(30.989.115.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	26.633.285.186	(325.091.140.101)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(27.414.737.843)	(4.758.396.095)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	58.152.512.970	62.910.959.355
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(209.585)	(50.290)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	30.737.565.542	58.152.512.970

Ngày 18 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp



Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 344 nhân viên (1/1/2016: 320 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	19 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 7 năm

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 44 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí sửa chữa lớn

Theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà là 2 năm/lần. Dự phòng chi phí sửa chữa lớn được xác định bằng 1/2 dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong vòng 12 tháng tiếp theo.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới Công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, Công ty mẹ cấp cao nhất - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	169.659.537	230.485.386
Tiền gửi ngân hàng	30.567.906.005	12.922.027.584
Các khoản tương đương tiền	-	45.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	30.737.565.542	58.152.512.970
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và bên liên quan

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	29.252.072.318	60.323.802.000
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - công ty mẹ cấp cao nhất	271.263.054	100.654.140
	29.523.335.372	60.424.456.140

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và phải thu khi yêu cầu.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	6.300.868.000	19.542.064.658
▪ Phải thu về lợi nhuận được chia	6.262.203.347	19.100.813.546
▪ Phải thu về các khoản chi hộ	38.664.653	441.251.112
Phải thu về lợi nhuận được chia - Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	1.404.080.982	1.259.345.196
Khoản chi hộ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	-	6.650.270.167
Tạm ứng cho người lao động	1.854.297.065	1.447.400.517
Các khoản phải thu khác	201.461.682	2.598.764.456
	9.760.707.729	31.497.844.994

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và phải thu khi yêu cầu.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
			Điều chỉnh lại	
Nguyên vật liệu	45.998.541.057	(109.425.242)	40.454.865.871	(109.425.242)
Công cụ và dụng cụ	162.838.636	-	243.352.688	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.063.600.063	-	-	-
	47.224.979.756	(109.425.242)	40.698.218.559	(109.425.242)

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.288.936.278	174.339.147	3.492.948.694.772	524.240.069	3.495.936.210.266
Tăng trong năm	-	-	446.333.143.928	-	446.333.143.928
Thanh lý	-	-	-	(181.730.694)	(181.730.694)
Giảm khác	(2.288.936.278)	-	-	-	(2.288.936.278)
Số dư cuối năm	-	174.339.147	3.939.281.838.700	342.509.375	3.939.798.687.222
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.042.074.366	174.339.147	2.116.496.573.825	524.240.069	2.119.237.227.407
Khấu hao trong năm	113.145.043	-	270.670.304.496	-	270.783.449.539
Thanh lý	-	-	-	(181.730.694)	(181.730.694)
Giảm khác	(2.155.219.409)	-	-	-	(2.155.219.409)
Số dư cuối năm	-	174.339.147	2.387.166.878.321	342.509.375	2.387.683.726.843
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	246.861.912	-	1.376.452.120.947	-	1.376.698.982.859
Số dư cuối năm	-	-	1.552.114.960.379	-	1.552.114.960.379

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 1.479.930 triệu VND (1/1/2016: 1.231.448 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 4.290 triệu VND (1/1/2016: 3.160 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.226.008.991
Khấu hao trong năm	613.004.496
Số dư cuối năm	1.839.013.487
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	27.024.971.220
Số dư cuối năm	26.411.966.724

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	823.060.782	6.211.796.065
Tăng trong năm	29.815.229.677	21.274.796.293
Sử dụng dự phòng sửa chữa lớn để bù đắp	(7.742.380.939)	(26.663.531.576)
Số dư cuối năm	22.895.909.520	823.060.782

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016			1/1/2016					
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con									
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	100%	100%	100%	90.000.000.000	-	(*)	90.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	100%	100%	100%	15.000.000.000	-	(*)	15.000.000.000	-	(*)
				<u>105.000.000.000</u>			<u>105.000.000.000</u>		
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác									
▪ Công ty Cổ phần An Phú	625.000	4,39%	4,39%	53.500.000.000	(51.000.000.000)	(*)	53.500.000.000	(51.500.000.000)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu	600.000	2,02%	2,02%	6.000.000.000	(261.857.704)	(*)	6.000.000.000	(166.778.572)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải	500.000	17,86%	17,86%	5.000.000.000	-	(*)	5.000.000.000	(1.058.686.372)	(*)
▪ Mỹ Giang									
				<u>64.500.000.000</u>	<u>(51.261.857.704)</u>		<u>64.500.000.000</u>	<u>(52.725.464.944)</u>	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	8.114.315.712	3.613.078.025
Chi nhánh Hóa Dầu Sài Gòn – Tổng Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex	6.945.633.310	2.343.922.460
Công ty TNHH Vietsea PTE	-	13.424.573.581
Các nhà cung cấp khác	22.909.695.898	2.923.379.935
	37.969.644.920	22.304.954.001

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	2.249.742.599	-
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	8.114.315.712	3.613.078.025
Các công ty liên quan		
Chi nhánh Hóa Dầu Sài Gòn – Tổng Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex	6.945.633.310	2.343.922.460
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	18.081.900	66.811.500
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long	987.225.728	202.008.200
Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu - Xăng dầu Khu vực 2	23.646.400	22.081.000
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	5.645.778.403	-
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	260.766.000	-

Khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Thuế phải nộp nhà nước

	1/1/2016 VND Điều chỉnh lại	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	7.819.557.900	51.115.952.645	(56.360.136.987)	2.575.373.558
Thuế nhập khẩu	-	9.871.210.095	(9.871.210.095)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.688.606.613	24.985.173.093	(37.148.579.096)	7.525.200.610
Thuế thu nhập cá nhân	702.042.915	2.924.628.409	(3.338.774.659)	287.896.665
Các loại thuế khác	31.794.225	1.974.054.076	(1.924.963.342)	80.884.959
	<u>28.242.001.653</u>	<u>90.871.018.318</u>	<u>(108.643.664.179)</u>	<u>10.469.355.792</u>

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí lãi vay	6.746.127.058	2.295.541.445
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	533.365.000	96.054.000
Chi phí thuê tàu Vietsea	-	2.550.954.356
Cảng phí	1.236.397.500	1.412.624.852
Các khoản khác	1.695.116.569	971.581.558
	<u>10.211.006.127</u>	<u>7.326.756.211</u>

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
		Điều chỉnh lại
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	7.241.717.866	-
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	3.562.555.762	1.150.572.660
▪ <i>Phải trả hoạt động tàu Vân Phong</i>	3.402.442.079	-
▪ <i>Phải trả tiền hao hụt hàng hóa</i>	160.113.683	1.150.572.660
Cổ tức phải trả cổ đông khác	769.178.075	652.094.175
Phải trả khác Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn – công ty con	834.500.000	881.971.125
Phải trả khác Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng – công ty con	167.137.000	835.116.444
Phải trả khác Công ty TNHH MTV Thuyền viên Vipco – công ty liên quan	922.785.392	761.299.450
Kinh phí công đoàn	1.181.631.533	946.958.900
Chi phí khác	70.357.337	328.882.912
	<hr/>	
	14.749.862.965	5.556.895.666
	<hr/>	

Khoản phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay

	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ		Biến động trong năm		Lãi chênh lệch tỷ giá		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	
	1/1/2016 VND	Tăng VND	Giảm VND		tỷ giá VND	31/12/2016 VND		
Vay dài hạn	496.768.831.090	310.515.660.000	(244.566.125.714)		843.163.124	563.561.528.500		
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(238.821.071.090)	(195.332.217.500)	244.566.125.714		281.836.876	(189.305.326.000)		
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	257.947.760.000	115.183.442.500	-		1.125.000.000	374.256.202.500		

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
▪ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	USD	6%	2018	170.925.000.000	202.860.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Hội sở chính	USD	4%- 8,0%	2017- 2018	51.539.585.000	159.006.931.090
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	USD	2,49%- 3,15%	2017	38.344.175.000	134.901.900.000
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Nhuệ (VTB)	VND	7,0%	2026	302.752.768.500	-
				563.561.528.500	496.768.831.090

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.479.930 triệu VND (1/1/2016: 1.231.448 triệu VND) (Thuyết minh 8).

17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Dự phòng sửa chữa lớn 2016 VND	2015 VND
		Điều chỉnh lại
Số dư đầu năm	18.080.064.975	19.252.420.600
Dự phòng lập trong năm	41.300.865.165	25.467.766.217
Dự phòng sử dụng trong năm	(7.742.380.939)	(26.640.121.842)
Số dư cuối năm	51.638.549.201	18.080.064.975

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – đã báo cáo trước đây	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	233.165.170.548	28.812.366.999	1.048.848.627.880
<i>Điều chỉnh cho thuế bị truy thu (Thuyết minh 31)</i>	-	-	-	-	(11.606.940.796)	(11.606.940.796)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – đã điều chỉnh lại	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	233.165.170.548	17.205.426.203	1.037.241.687.084
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	57.489.301.478	57.489.301.478
(điều chỉnh lại) (Thuyết minh 31)	-	-	-	11.925.700.399	(11.925.700.399)	-
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(7.886.666.600)	(7.886.666.600)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 – đã điều chỉnh lại	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	245.090.870.947	45.882.360.682	1.077.844.321.962
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	86.959.589.161	86.959.589.161
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	5.900.984.276	(5.900.984.276)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(14.500.000.000)	(14.500.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	(39.433.333.000)	(39.433.333.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	798.666.660.000	(160.015.910)	(11.635.553.757)	250.991.855.223	73.007.632.567	1.110.870.578.123

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000	79.866.666	798.666.660.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	78.866.666	788.666.660.000	78.866.666	788.666.660.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

20. Cổ tức

Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 9 tháng 5 năm 2016 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 39.433 triệu VND tương đương 500 VND mỗi cổ phiếu (2015: 7.886 triệu VND tương đương 100 VND mỗi cổ phiếu).

21. Quỹ đầu tư phát triển

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015 của Công ty ngày 24 tháng 4 năm 2016, Công ty đã trích lập 10,26% tương ứng với số tiền là 5.901 triệu VND (2015: 22,73% tương ứng với số tiền là 11.926 triệu VND) từ lợi nhuận sau thuế vào Quỹ đầu tư phát triển trong phần vốn chủ sở hữu nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.701.656.000	3.128.456.000
Trong vòng hai đến năm năm	2.701.656.000	-
	5.403.312.000	3.128.456.000

(b) Ngoại tệ

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.060	24.164.466	896	20.111.160
		24.164.466		20.111.160

23. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ thể hiện giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	2016	2015
	VND	VND
Doanh thu vận tải biển	805.790.292.716	761.711.836.942
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	11.198.592.896	10.416.868.116
	816.988.885.612	772.128.705.058

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND Điều chỉnh lại
Giá vốn vận tải biển	620.630.478.546	616.174.973.843
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	8.188.979.502	7.368.866.583
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	628.819.458.048	623.543.840.426

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.666.284.329	20.360.158.742
Lãi tiền gửi, cho vay	927.765.390	714.291.616
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	200.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.303.691.720	458.118.812
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	10.897.741.439	21.732.569.170

26. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND Điều chỉnh lại
Chi phí lãi vay	28.919.990.768	35.934.468.667
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.409.520.374	34.948.661.303
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(1.463.607.240)	(1.902.894.767)
Chi phí tài chính khác	-	500.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	30.865.903.902	68.980.735.203

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí khác

	2016 VND	2015 VND
Tiền phạt chậm nộp thuế	9.543.587.422	66.788.680
Xử lý hao hụt	6.991.341.031	-
Các khoản khác	1.194.197.290	619.128.862
	17.729.125.743	685.917.542

28. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	52.630.056.552	38.797.505.281
Chi phí nhân công	99.142.310.572	82.351.064.837
Chi phí khấu hao	271.396.454.035	254.985.352.187
Chi phí dịch vụ mua ngoài	147.973.488.673	207.982.739.547
Chi phí khác	97.519.197.021	72.345.310.820

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2016 VND	2015 VND Điều chỉnh lại
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	23.919.307.534	11.323.958.692
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.065.865.559	16.891.700
	24.985.173.093	11.340.850.392

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND Điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	111.944.762.254	68.830.151.870
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	22.388.952.451	13.766.030.374
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.063.611.949	1.712.446.562
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.065.865.559	16.891.700
Thu nhập không bị tính thuế	(1.533.256.866)	(4.154.518.244)
	24.985.173.093	11.340.850.392

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2015: 22%).

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	636.923.806.991	199.686.967.080
Các công ty liên quan khác		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	180.065.078.621	572.441.737.978
Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn – Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex		
Mua hàng hóa và dịch vụ	12.963.717.100	11.231.378.100
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn		
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.067.999.251	18.723.511.948
Công ty Bảo hiểm Pjico Sài Gòn		
Mua hàng hóa và dịch vụ	19.765.846.060	17.569.554.580

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Điều chỉnh số liệu của các năm trước

Ngày 22 tháng 4 năm 2016, Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định yêu cầu Công ty nộp bổ sung khoản tiền thuế thu nhập doanh nghiệp cho các năm 2010, 2011, 2012 và 2013 với tổng số tiền là 11.606.940.796 VND. Quyết định này của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh là dựa trên kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV (“KTNN KV IV”), trong quá trình KTNN KV IV thực hiện kiểm toán tại Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh, liên quan đến mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động cho thuê tàu biển định hạn của Công ty trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2013. Theo quan điểm của KTNN KV IV thì hoạt động cho thuê tàu biển định hạn của Công ty không phải là một hoạt động được ưu đãi thuế, mặc dù đoàn kiểm toán nhà nước khi kiểm tra báo cáo tài chính của Công ty năm 2011 cũng như đoàn Thanh tra Chính phủ khi kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty cho các năm 2010, 2011, 2012 và 6 tháng đầu năm 2013, đều đã xác nhận số liệu báo cáo tài chính và các khoản nộp ngân sách của Công ty.

Ngoài ra, theo Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2015 và chuyên đề việc thực hiện đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011 – 2015 của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco” ngày 2 tháng 6 năm 2016, Kiểm toán Nhà nước Chuyên ngành VI đã kiến nghị Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh tăng thu ngân sách nhà nước từ kết quả của cuộc kiểm toán.

Ban Giám đốc Công ty đã xác định đây là những nội dung cần điều chỉnh hồi tố. Theo đó, một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 1 tháng 1 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và số dư Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối riêng tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 trong Thuyết minh 18 – Thay đổi vốn Chủ sở hữu đã được điều chỉnh lại.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán riêng

	1/1/2016 VND (điều chỉnh lại)	1/1/2016 VND (theo báo cáo trước đây)
Hàng tồn kho	40.698.218.559	40.627.346.851
Chi phí trả trước ngắn hạn	189.427.257	25.687.674
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(52.725.464.944)	(53.870.376.203)
Thuế phải nộp Nhà nước	28.242.001.653	15.886.219.159
Phải trả ngắn hạn khác	5.556.895.666	6.061.263.991
Dự phòng phải trả ngắn hạn	18.080.064.975	19.600.000.000
LNST chưa phân phối năm trước	(11.606.940.796)	28.812.366.999
LNST chưa phân phối năm nay	57.489.301.478	54.834.317.276

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2015 VND (điều chỉnh lại)	2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Giá vốn hàng bán	623.543.840.426	625.298.386.742
Chi phí tài chính	68.980.735.203	70.125.646.462
Thu nhập khác	1.097.503.059	593.134.734
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.340.850.392	10.592.008.694

(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	2015 VND (điều chỉnh lại)	2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Các khoản dự phòng	23.564.871.450	26.229.717.734
Biến động hàng tồn kho	220.618.381	291.490.089
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	6.094.012.729	6.598.381.054
Biến động chi phí trả trước	(177.527.257)	(13.787.674)

Ngày 18 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

9 - 0

K. L. P. * H. N. M.

T. N. H. H. * I. O. V. A.